

# HƯỚNG DẪN TÍNH TỐC ĐỘ TĂNG TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN CẤP XÃ



CỤC THỐNG KÊ

Ban Hệ thống Tài khoản quốc gia

Hà Nội, ngày 24/6/2025

## Phần I

Tổng giá trị  
sản phẩm  
trên địa bàn  
cấp xã

## Phần II

Tốc độ tăng Tổng  
giá trị sản phẩm  
trên địa bàn cấp  
xã bình quân  
hàng năm

# PHẦN I: TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN

## Nội dung chi tiêu

Khái niệm, phạm vi, nguyên tắc, quy ước

Phương pháp tính

Nguồn thông tin

Cơ quan chủ trì, phối hợp

## **1.1. KHÁI NIỆM, PHẠM VI, NGUYÊN TẮC, QUY ƯỚC**

## 1.1. KHÁI NIỆM

Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn cấp xã

Đơn vị thường trú cấp xã

Cơ sở sản xuất và Địa điểm sản xuất

Đơn vị kinh tế

Đơn vị hạch toán độc lập và phụ thuộc

## 1.1. KHÁI NIỆM

Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã

Là toàn bộ giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ do các cơ sở sản xuất thuộc tất cả các ngành kinh tế, loại hình kinh tế, khu vực kinh tế tạo ra trên địa bàn xã trong khoảng thời gian nhất định (thường là 1 năm)

## 1.1. KHÁI NIỆM

Cơ sở  
sản xuất

Địa điểm  
sản xuất

Là nơi diễn ra một  
hoạt động sản xuất,  
kinh doanh tại một  
địa chỉ cụ thể

Là đơn vị sản xuất  
cấp thấp nhất của  
đơn vị kinh tế, nơi  
diễn ra hoạt động  
sản xuất, kinh  
doanh tại một địa  
chỉ cụ thể

Trong biên soạn chỉ tiêu TGTSP  
cấp xã, quy ước cơ sở sản xuất là  
địa điểm sản xuất kinh doanh

## 1.1. KHÁI NIỆM

### Đơn vị thường trú cấp xã

- Có trung tâm lợi ích kinh tế trong lãnh thổ hành chính xã.
- Có địa điểm hoạt động xác định trong xã, tại đó tiến hành hoạt động sản xuất và giao dịch kinh tế với thời gian dài (thường là một năm).

# 1.1. KHÁI NIỆM

## Đơn vị kinh tế

Bao gồm DN (gồm cả chi nhánh DN hạch toán độc lập), ĐVSN, cơ quan hành chính, hợp tác xã, cơ sở cá thể (bao gồm hộ NLTS và cơ sở phi NLTS)

**Đơn vị kinh tế đơn địa điểm** là đơn vị kinh tế hạch toán độc lập, chỉ có 1 địa điểm sản xuất cùng địa chỉ với văn phòng trụ sở chính thuộc các ngành kinh tế, loại hình kinh tế.

**Đơn vị kinh tế đa địa điểm** là đơn vị kinh tế có nhiều hơn 1 địa điểm sản xuất khác địa chỉ với văn phòng trụ sở chính. Đơn vị kinh tế đa địa điểm bao gồm các đơn vị hạch toán độc lập và phụ thuộc

## 1.1. KHÁI NIỆM

Đơn vị hạch toán  
độc lập

Đơn vị hạch toán  
phụ thuộc

### **ĐƯỢC**

- Tham gia các hoạt động kinh tế
- Sở hữu TS và vay nợ
- Tự chủ ra quyết định kinh tế
- Có hệ thống tài khoản ghi chép đầy đủ

### **KHÔNG**

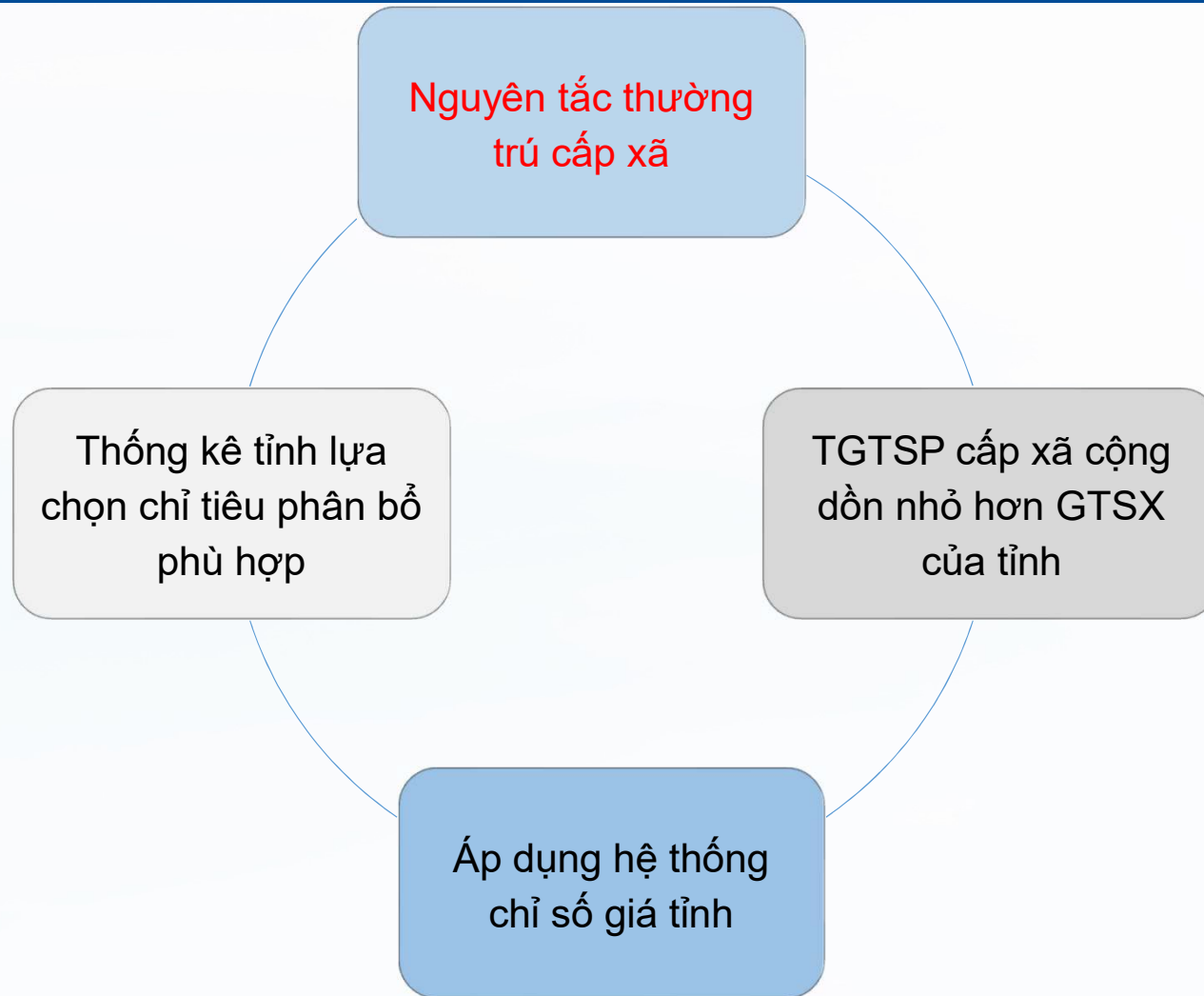
- Sở hữu TS và vay nợ
- Tự chủ ra quyết định kinh tế
- Thực hiện ghi chép tài khoản đầy đủ, hoàn chỉnh, riêng biệt

## 1.2. PHẠM VI

TGTSP cấp xã bao gồm toàn bộ sản phẩm vật chất và dịch vụ đã hoàn thành hoặc quy ước hoàn thành của các đơn vị thường trú trên địa bàn xã.

TGTSP cấp xã **KHÔNG** bao gồm hoạt động khai thác dầu thô, khí đốt tự nhiên và dịch vụ vận tải hàng không, đường sắt

## 1.3 NGUYÊN TẮC



## 1.4. QUY ƯỚC

Đơn vị thường trú cấp xã của DN, ĐVSN, HTX là địa điểm sản xuất

Địa điểm có hơn 1 hoạt động sản xuất thì ngành kinh tế của địa điểm xác định theo doanh thu/chi phí/lao động lớn nhất

Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể căn cứ vào nơi trực tiếp diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc nơi nộp thuế để xác định nơi thường trú.

Người bán rong, hành nghề xe ôm, buôn bán ở nơi giáp ranh địa giới các xã hoặc không có địa điểm kinh doanh cố định xác định thường trú theo nơi hộ gia đình người đó đang sinh sống

## 1.5 QUY ƯỚC

Hoạt động xây dựng xác định mức độ hoàn thành theo quy ước

Hộ cá thể xây dựng xác định theo nguyên tắc công trình ở đâu là thường trú ở đó

Cảng hàng không đóng tại xã nào tính cho xã đó; sử dụng số do Cục TK phân bổ từ Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam

Tính theo phương pháp trực tiếp đối với đơn vị kinh tế đơn địa điểm và phương pháp gián tiếp (phân bổ) đối với đơn vị kinh tế đa địa điểm

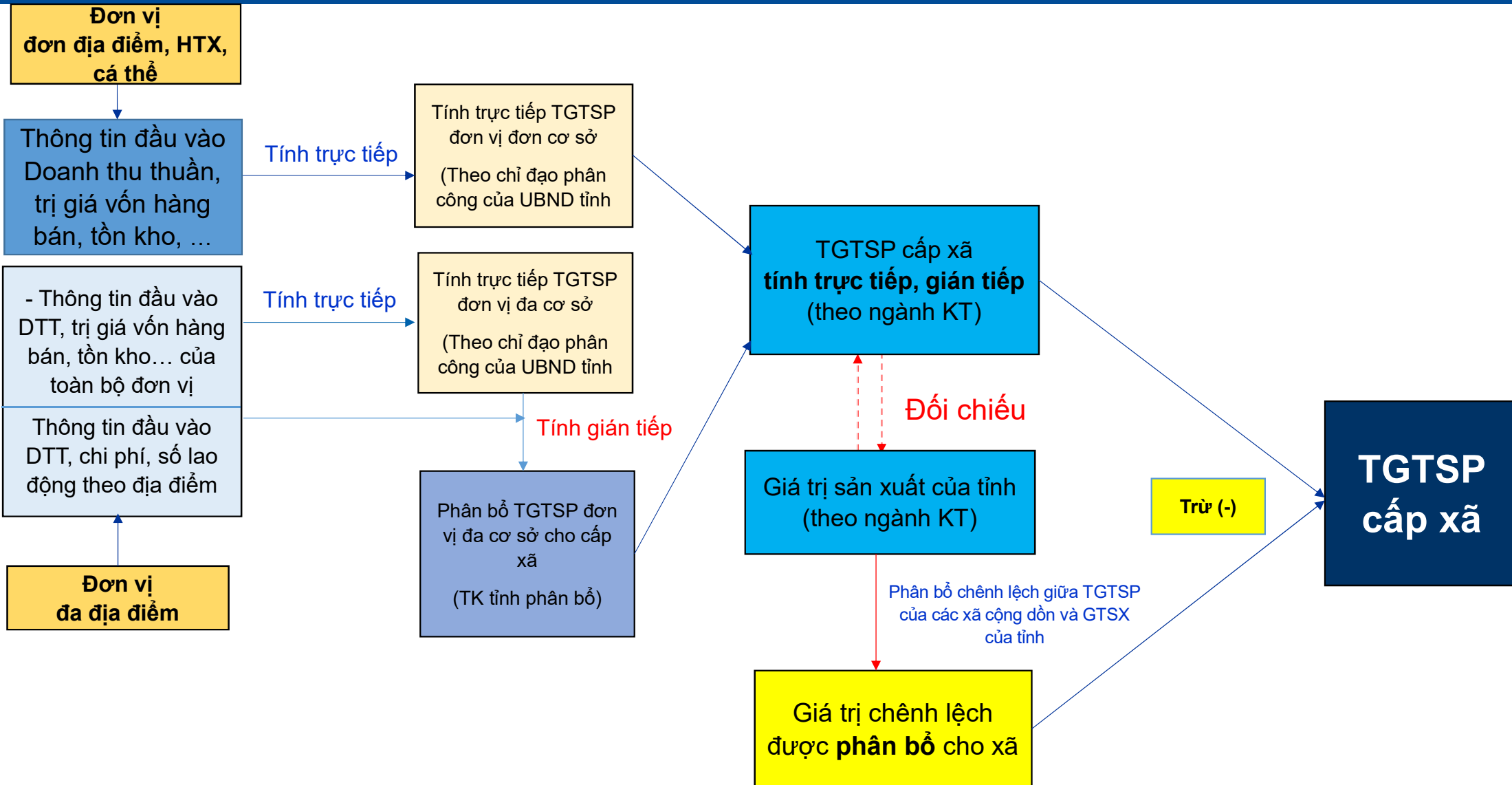
# LƯU Ý

Xây dựng số liệu  
năm cơ sở

Các năm sau  
năm cơ sở, sử  
dụng hệ số từ  
năm cơ sở

## 2. PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN

# 2.1 QUY TRÌNH BIÊN SOẠN CHUNG



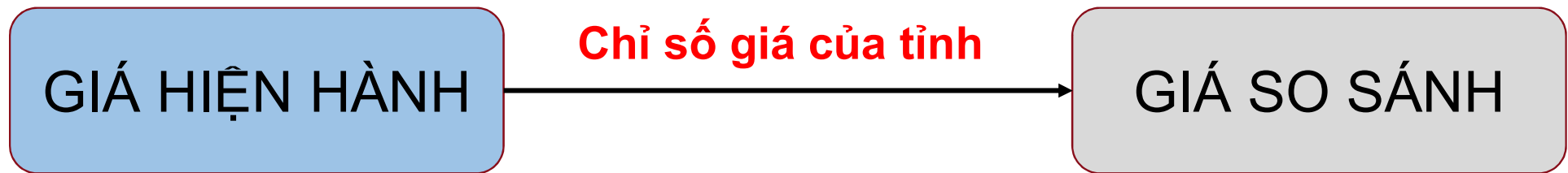
## 2.2 TỔNG HỢP KẾT QUẢ

$$\text{TGTSP cấp xã} = \text{TGTSP tính trực tiếp} + \text{TGTSP phân bổ} - \text{Chênh lệch tăng giữa TGTSP cộng dồn của các xã và GTSX của tỉnh (nếu có)}$$

TGTSP tính trực tiếp	TGTSP do Chi cục TK phân bổ (gián tiếp)	Chênh lệch tăng TGTSP cộng dồn các xã và GTSX của tỉnh
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp, chi nhánh DN đơn địa điểm và hạch toán độc lập</li> <li>- Hợp tác xã đơn địa điểm</li> <li>- Đơn vị sự nghiệp đơn địa điểm</li> <li>- Cá thể</li> </ul> <p><b>Trừ:</b> Hoạt động phân phối điện, Viễn thông, tài chính ngân hàng, bảo hiểm; làm thuê công việc trong HGĐ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp, chi nhánh DN đa địa điểm (bao gồm cả Tập đoàn, Tổng công ty)</li> <li>- Hợp tác xã đa địa điểm</li> <li>- Đơn vị sự nghiệp đa địa điểm</li> </ul> <p>Chi cục TK phân bổ cho từng xã.</p> <p><b>Gồm:</b> Hoạt động phân phối điện, Viễn thông, tài chính ngân hàng, bảo hiểm; làm thuê công việc trong HGĐ</p>	Phần giá trị chênh lệch tăng giữa TGTSP cộng dồn các xã so với GTSX của tỉnh

*Lưu ý: DN, ĐVSN đơn địa điểm, chi nhánh của DN đơn địa điểm có nhiều hơn 1 ngành kinh tế cần phân bổ các số liệu đầu vào theo ngành kinh tế tương ứng trước khi áp dụng phương pháp tính như hướng dẫn*

## 2.2 TỔNG HỢP KẾT QUẢ



$$\text{GTSP giá so sánh} = \frac{\text{GTSP theo giá hiện hành}}{\text{Chỉ số giá tương ứng theo ngành so với kỳ gốc của tỉnh}}$$

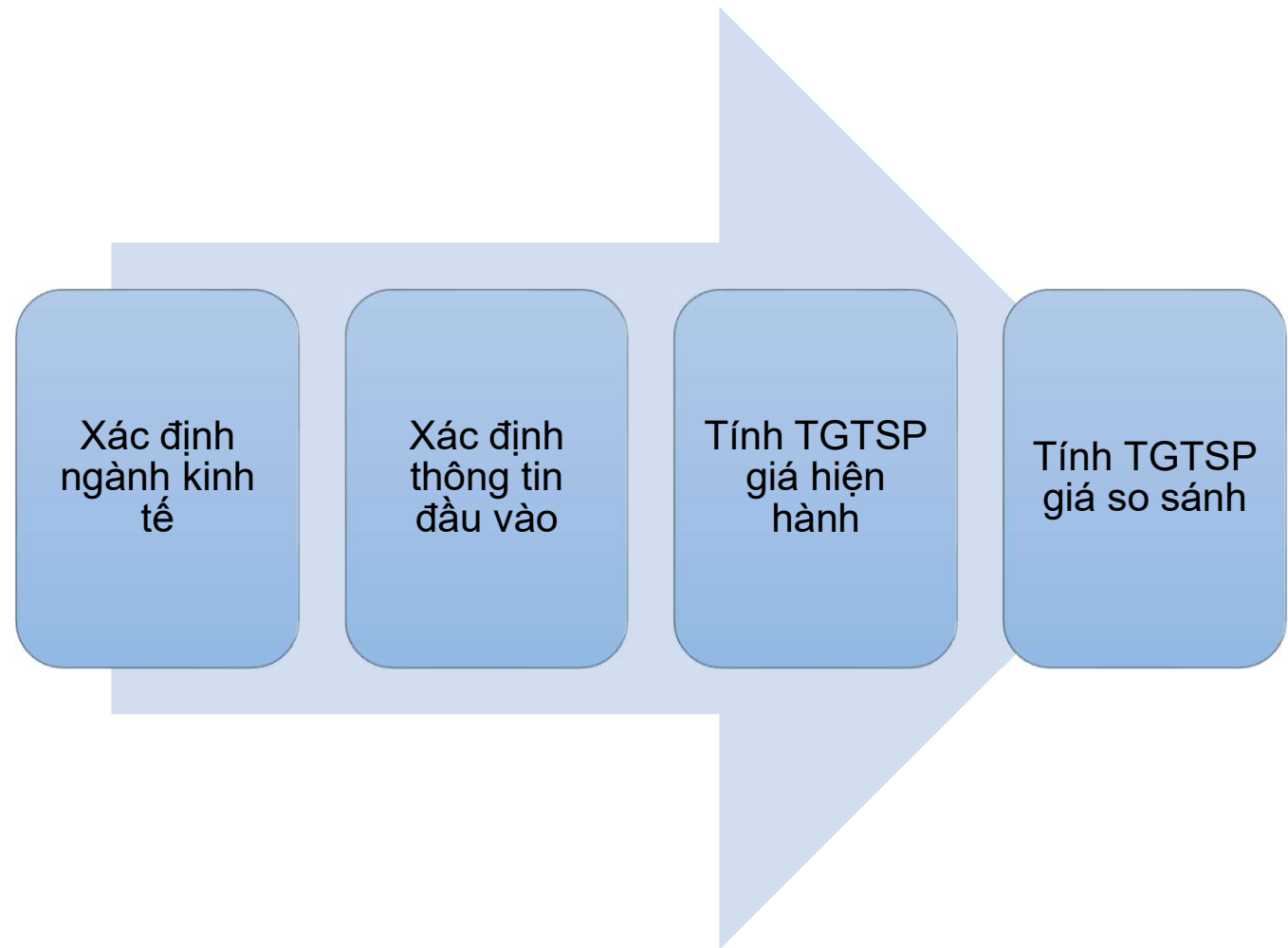
# Chỉ số giá áp dụng cho các ngành kinh tế

- ❑ **Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (PPI-NN):** Áp dụng đối với ngành nông, lâm nghiệp thủy sản;
- ❑ **Chỉ số giá sản xuất công nghiệp (PPI-CN):** Công nghiệp;
- ❑ **CSG Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho xây dựng; CSG Dịch vụ xây dựng chuyên dụng:** ngành xây dựng
- ❑ **Chỉ số giá sản xuất hàng hóa:** ngành Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (ngành 46)
- ❑ **Chỉ số giá cước vận tải kho bãi:** Áp dụng đối với ngành vận tải kho bãi;
- ❑ **Chỉ số giá sản xuất dịch vụ:** Thông tin và truyền thông; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; chuyên môn, khoa học, công nghệ; hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc; Giáo dục và đào tạo; Y tế và trợ giúp xã hội; Nghệ thuật vui chơi và giải trí; làm thuê các công việc của các hộ gia đình
- ❑ **CPI:** Ngành bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (ngành 45); Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (ngành 47); sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình (ngành 98); Nhà ở tự có tự ở;

## 2.3 PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRỰC TIẾP (1)

### 2.3.1 Quy trình tính

- Doanh nghiệp đơn địa điểm, Chi nhánh đơn địa điểm và hạch toán độc lập
- ĐVSN đơn địa điểm,
- Hợp tác xã đơn địa điểm
- Cá thể



## 2.3 PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRỰC TIẾP (1)

### 2.3.2 Công thức tính theo ngành

(1) Hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản

$$\text{Giá trị sản phẩm} = \text{Sản lượng sản phẩm xuất} \times \text{Đơn giá sản xuất sản phẩm bình quân}$$

(2) Hoạt động dịch vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp; dịch vụ mang tính “thị trường” còn lại (trừ ngân hàng, BH và các ngành ở mục 3)

$$\text{Giá trị sản phẩm} = \text{Doanh thu thuần} + \text{Chênh lệch tồn kho ngành công nghiệp} + \text{Trợ cấp sản xuất (nếu có)}$$

(3) Hoạt động bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy; dịch vụ lưu trú, ăn uống; kinh doanh bất động sản; dịch vụ du lịch; dịch vụ xổ số

$$\text{Giá trị sản phẩm} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Trị giá vốn hàng bán ra/Trị giá vốn hàng chuyển bán/Chi trả hộ khách hàng/Chi trả thường} + \text{Trợ cấp sản xuất (nếu có)}$$

(4) Hoạt động xây dựng; dịch vụ phi thị trường (trừ hoạt động của ĐCS, tổ chức CT-XH, QLNN, ANQP) và những hoạt động khác không tính được theo các phương pháp trên

$$\text{Giá trị sản phẩm} = \text{Tổng chi phí sản xuất} + \text{Lợi nhuận thuần (nếu có)} + \text{Trợ cấp sản xuất (nếu có)}$$

*Trong tổng chi phí sản xuất gồm có: Chi phí vật chất và chi phí dịch vụ; Thu nhập của người lao động; Khấu hao tài sản cố định; Thuế sản xuất khác*

## 2.3 PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRỰC TIẾP (1)

(5) Hoạt động ĐCS, tổ chức CT-XH, QLNN, ANQP

**Giá trị sản phẩm QLNN = GTSP ngành QLNN tính từ báo cáo chi NSNN (1) - Điều chỉnh chênh lệch GTSP cộng dồn của xã so với GTSX của tỉnh (2)**

**(1) GTSP ngành QLNN tính từ báo cáo chi NSNN được tính như sau:**

Phương pháp 1: Có đầy đủ báo cáo Chi NSNN (mục Chi thường xuyên) cấp xã chi tiết theo mục lục ngân sách

**Giá trị sản phẩm ngành QLNN từ báo cáo chi NSNN = Giá trị sản phẩm từ nguồn kinh phí thường xuyên của NSNN + Giá trị sản phẩm từ nguồn kinh phí ngoài NSNN**

**Giá trị sản phẩm từ nguồn kinh phí thường xuyên** gồm các khoản mục chi trong chi thường xuyên trừ các tiểu mục trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất, chi nuôi phạm nhân, can phạm, chi thực hiện đề tài NCKH, sửa chữa TSCĐ phục vụ công tác chuyên môn, mua sắm TS vô hình

**Giá trị sản phẩm từ nguồn kinh phí ngoài NSNN (nếu có):**

**GTSP từ nguồn kinh phí ngoài NSNN chưa có trong báo cáo quyết toán NSNN =  $\frac{\text{Nguồn KP ngoài NSNN chưa báo cáo}}{\text{Nguồn kinh phí từ kinh phí thường xuyên của NSNN}} \times \text{GTSP từ nguồn KP thường xuyên của NSNN}$**

## 2.3 PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRỰC TIẾP (1)

(5) Hoạt động ĐCS, tổ chức CT-XH, QLNN, ANQP

(1) GTSP ngành QLNN tính từ báo cáo chi NSNN được tính như sau:

Phương pháp 2: Chỉ có số liệu Tổng chi thường xuyên NSNN

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm ngành} \\ \text{QLNN từ báo cáo chi} \\ \text{NSNN (1)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm hoạt} \\ \text{động QLNN của xã} \\ \text{năm t-1} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tốc độ tăng chi thường xuyên cho QLNN trong} \\ \text{chi NSNN năm t so với năm t-1 (không bao gồm} \\ \text{chi mua TSCĐ, sửa chữa lớn TSCĐ, chi trợ cấp)} \end{array}$$

(2) GTSP được phân bổ chênh lệch giữa số liệu GTSP cộng dồn từ các xã với GTSX của tỉnh được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Điều chỉnh chênh lệch GTSP cộng dồn} \\ \text{của xã so với GTSX của tỉnh (2)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chênh lệch tăng GTSP cộng} \\ \text{dồn của xã so với GTSX của} \\ \text{tỉnh} \end{array} \times \frac{\text{GTSP ngành QLNN của xã}}{\text{TGTSP ngành QLNN cộng dồn của xã}}$$

*Lưu ý:* - Chi thường xuyên không bao gồm các khoản chi mua sắm TSCĐ, sửa chữa lớn TSCĐ, chi trợ cấp  
- Thông tin phục vụ tính toán chỉ tiêu phân bổ từ báo cáo Chi NSNN trên địa bàn

## 2.4 PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ (2)

### 2.4.1 Quy trình chung

- DN đa địa điểm, Chi nhánh đa địa điểm.
- ĐVSN, HTX đa địa điểm,
- Hoạt động phân phối điện, Viễn thông, tài chính ngân hàng, bảo hiểm; làm thuê các công việc trong các hộ gia đình

Tính GTSP giá hiện hành của toàn DN theo phương pháp trực tiếp

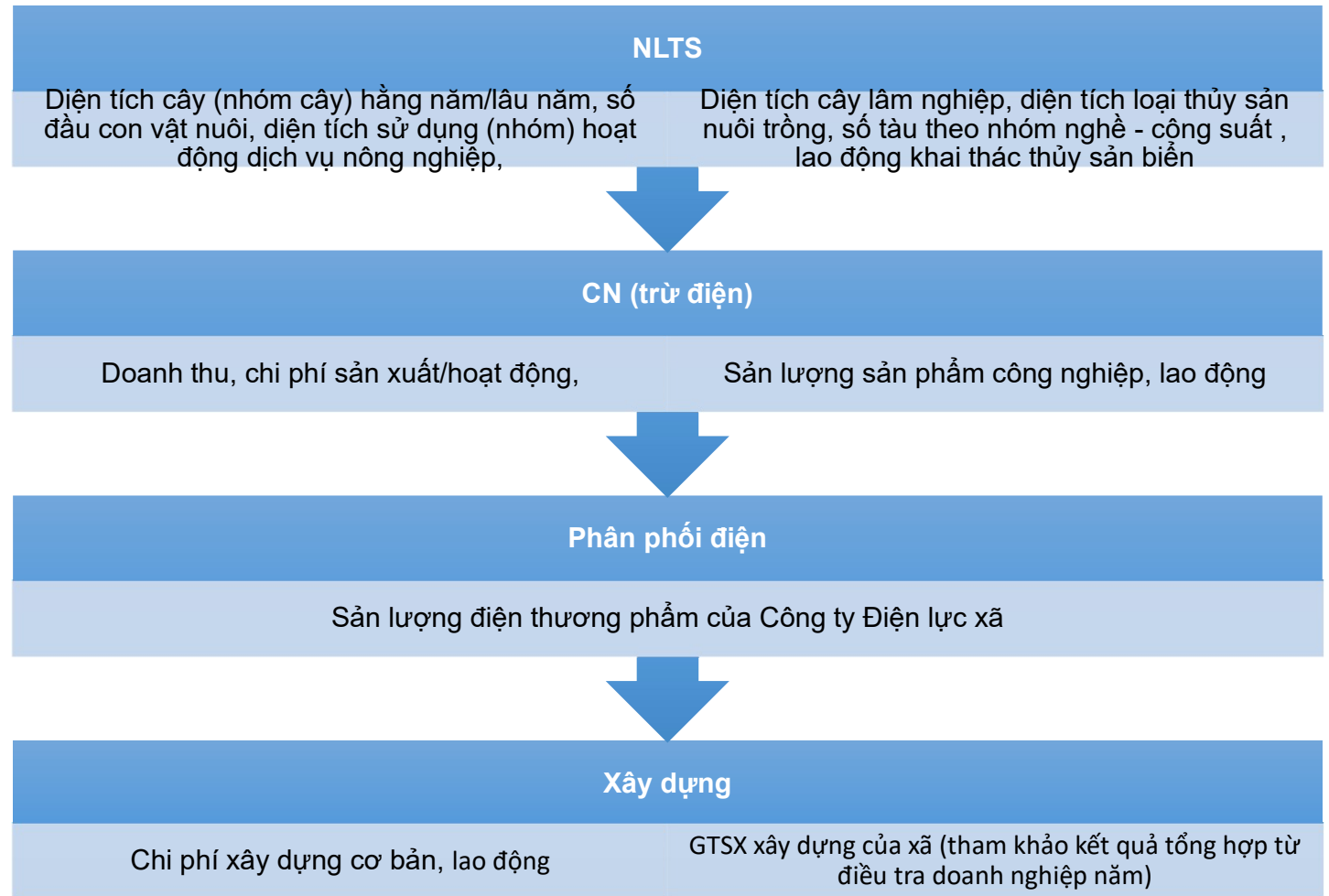
Xác định, tính chỉ tiêu dùng để phân bổ

Tính TGTSP của địa điểm cấp xã

## 2.4 PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ (2)

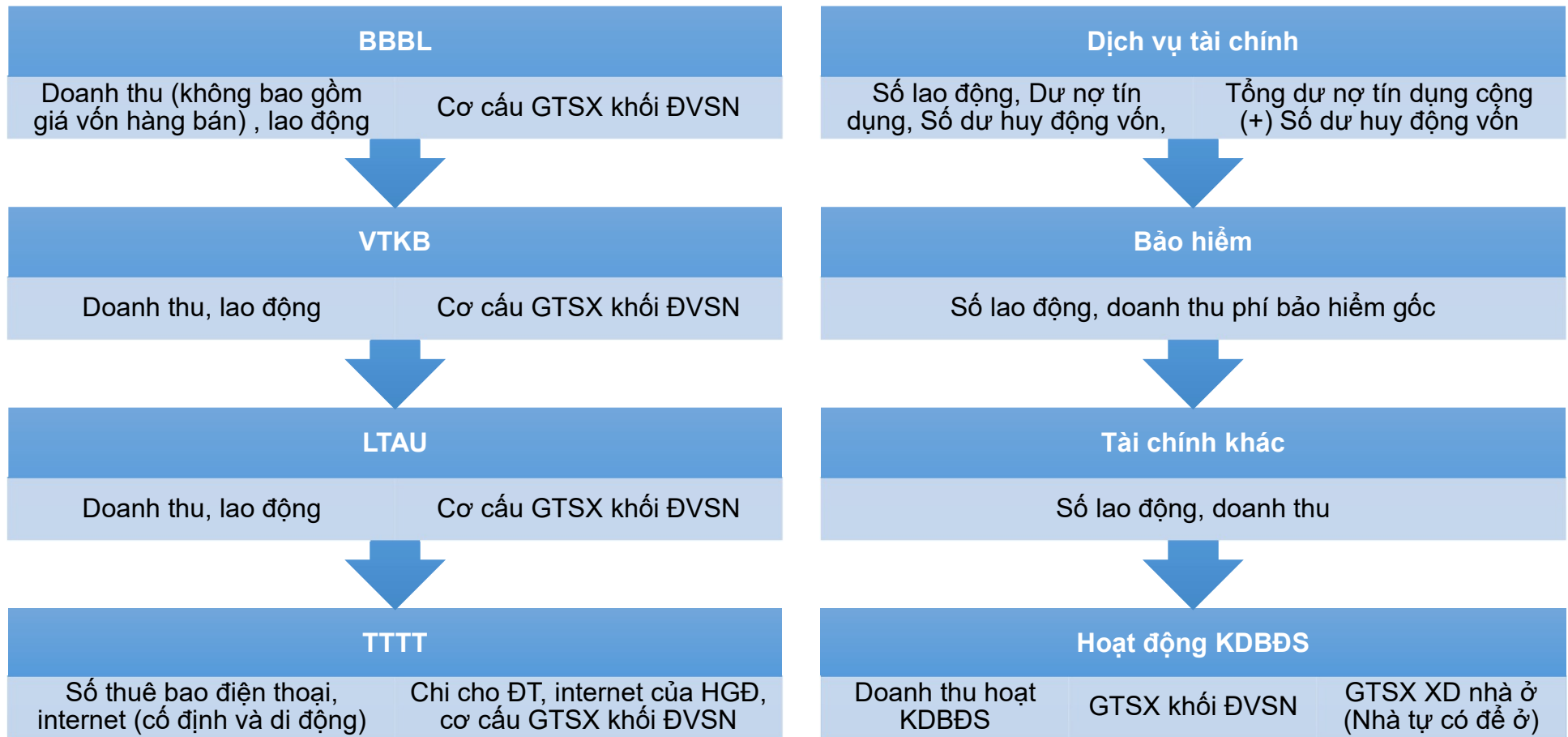
### 2.4.2 Tính chỉ tiêu phân bổ

$$\text{Chỉ tiêu phân bổ} = \frac{\text{Chỉ tiêu của xã}}{\text{Chỉ tiêu của xã cộng dồn}}$$



## 2.4 PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ (2)

### 2.4.2 Tính chỉ tiêu phân bổ



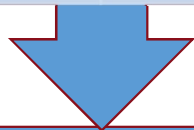
## 2.4 PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ (2)

### 2.4.2 Tính chỉ tiêu phân bổ

CMKHCCN	
Doanh thu	Tỷ trọng chi thường xuyên cho hoạt động CMKHCCN của xã

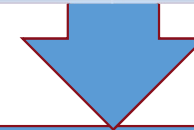


HCDVHT	
Doanh thu, lao động	GTSX khối ĐVSN của xã

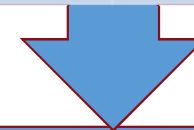


Giáo dục	
doanh thu, chi ph, giáo dục, số giáo viên, số học sinh	Chi thường xuyên trong chi NSNN cho hoạt động giáo dục

Y tế	
Doanh thu, Số lao động y tế/số lượt khám chữa bệnh	Chi thường xuyên trong chi NSNN cho hoạt động y tế của xã



NT vui chơi GT	
HĐ xổ số: Tỷ trọng doanh thu bán vé của các đại lý	Chi thường xuyên trong chi NSNN cho hoạt động văn hóa thông tin



Hoạt động làm thuê công việc trong hộ gia đình	
Tỷ trọng số tiền chi cho người làm thuê các công việc trong hộ gia đình của xã so với tỉnh	Trong đó: Số tiền chi thuê giúp việc của xã = Số tiền chi thuê giúp việc bình quân đầu người trong điều tra KSMS x Dân số trung bình của xã

## 2.4 PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ (2)

### 2.4.3 Công thức phân bổ

#### ❑ Đối với ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản

**Phân bổ sản lượng sản phẩm:** Áp dụng đối với các *sản phẩm NLTS chủ yếu* trên địa bàn xã

$$\text{Sản lượng sản phẩm/hoạt động NLTS cấp xã} = \text{Sản lượng sản phẩm/hoạt động NLTS của tỉnh} \times \text{Chỉ tiêu phân bổ phù hợp}$$

**Phân bổ giá trị sản phẩm/nhóm sản phẩm/hoạt động/nhóm hoạt động:** Áp dụng đối với các *sản phẩm NLTS chủ yếu và các sản phẩm còn lại* trên địa bàn xã

$$\text{Giá trị sản phẩm/hoạt động NLTS giá hiện hành cấp xã} = \text{Giá trị sản phẩm/hoạt động NLTS của tỉnh} \times \text{Chỉ tiêu phân bổ phù hợp}$$

#### ❑ Các ngành còn lại

$$\text{TGTSP cấp xã theo ngành} = \text{GTSX cấp tỉnh theo ngành} \times \text{Chỉ tiêu phân bổ phù hợp}$$

## 2.5 ĐIỀU CHỈNH TGTSP CẤP TỈNH VỚI CẤP XÃ (3)

TGTSP  
của xã

=

TGTSP  
tính trực  
tiếp

+

TGTSP  
phân bổ

-

**Điều chỉnh  
cấp tỉnh  
với xã**

Điều chỉnh TGTSP  
cấp xã (nếu có)

=

Chênh lệch tăng giữa  
GTSX của tỉnh và TGTSP  
tính trực tiếp và phân bổ  
của các xã cộng dồn

x

TGTSP theo ngành kinh tế tính trực  
tiếp và phân bổ từng xã

---

TGTSP theo ngành kinh tế tính trực  
tiếp và phân bổ của xã cộng dồn

### **3. NGUỒN THÔNG TIN**

## 3. NGUỒN THÔNG TIN

- ❑ Điều tra trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia của cơ quan thống kê
- ❑ Điều tra bổ sung một số chỉ tiêu đến cấp xã
  - Doanh nghiệp, ĐVSN đơn địa điểm CNDN đơn địa điểm và hạch toán độc lập không có trong danh sách mẫu điều tra của Cục Thống kê: điều tra thông tin để tính trực tiếp;
  - Doanh nghiệp, ĐVSN đa địa điểm CNDN đa địa điểm và hạch toán độc lập không có trong danh sách mẫu điều tra của Cục Thống kê: điều tra thông tin để phân bổ;
  - Doanh nghiệp, ĐVSN đa địa điểm CNDN đa địa điểm và hạch toán độc lập đã được Cục Thống kê điều tra nhưng không có thông tin để phân bổ cấp xã: điều tra thông tin để phân bổ cho cấp xã;

### 3. NGUỒN THÔNG TIN

- ❑ **Dữ liệu hành chính:** báo cáo về hoạt động nông nghiệp chi tiết theo từng loại cây trồng; báo cáo thu, chi NSNN cấp xã; báo cáo sản lượng điện, báo cáo hoạt động y tế, giáo dục trên địa bàn V.V...
- ❑ **Chế độ báo cáo thống kê quốc gia áp dụng cho các bộ ngành, biểu mẫu báo cáo theo các Nghị định phục vụ tính GRDP và phân bổ số liệu cho tỉnh, thành phố.**

## 4. CƠ QUAN CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP

## 5. CƠ QUAN CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP

### □ **Cơ quan chủ trì:** UBND cấp tỉnh

- Chỉ đạo thống nhất, đồng thời triển khai biên soạn chỉ tiêu cấp xã cho tỉnh
- Chỉ đạo thực hiện điều tra bổ sung thông tin cấp xã
- Chỉ đạo các Sở ngành, ĐVSN cấp tỉnh, UBND xã phối hợp thực hiện điều tra và cung cấp thông tin dữ liệu hành chính

### □ **Cơ quan phối hợp**

- Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hướng dẫn, chịu trách nhiệm về chuyên môn nghiệp vụ trong điều tra và biên soạn chỉ tiêu TGTSP cấp xã

## PHẦN II: TỐC ĐỘ TĂNG TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN BÌNH QUÂN HÀNG NĂM

# 1. KHÁI NIỆM

- ❑ **Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn** là tỷ lệ phần trăm tăng/giảm của tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn của kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước.
- ❑ **Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân năm của một thời kỳ** là giá trị trung bình của tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn từng năm trong một thời kỳ nhất định.

## 2. PHƯƠNG PHÁP TÍNH

**Công thức tính:** Để tính tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân năm trong một thời kỳ sử dụng công thức bình quân nhân

$$\text{Tốc độ tăng TGTSP bình quân năm (\%)} = \left( \sqrt[n]{\frac{\text{TGTSP năm } n}{\text{TGTSP năm } 0}} - 1 \right) \times 100$$

Trong đó:

- TGTSP n: Là TGTSP theo giá so sánh của năm cuối cùng trong thời kỳ. Ví dụ: giai đoạn 2026-2030, năm n là năm 2030.
- TGTSP 0: Là TGTSP theo giá so sánh của năm ngay trước năm đầu tiên của thời kỳ. Ví dụ: giai đoạn 2026-2030, năm 0 là năm 2025.
- n: Là số năm trong thời kỳ tính toán. Ví dụ: giai đoạn 2026-2030, n=5 năm

**Hoặc:**

$$\text{Tốc độ tăng TGTSP bình quân năm (\%)} =$$

$$\left( \sqrt[n]{(\text{Tốc độ tăng năm } 1 + 100) \times (\text{tốc độ tăng năm } 2 + 100) \times \dots \times (\text{Tốc độ tăng năm } n + 100)} - 100 \right)$$

Trong đó: n là số năm trong thời kỳ tính toán. Ví dụ: giai đoạn 2026-2030, n = 5 năm

3. PHÂN TỔ  
CHỦ YẾU

Ngành  
kinh tế

4. KỲ CÔNG  
BỐ

Năm

5. NGUỒN  
SỐ LIỆU

Giống chỉ  
tiêu  
TGTSP  
cấp xã

6. CƠ QUAN  
CHỦ TRÌ,  
PHỐI HỢP

Giống chỉ  
tiêu  
TGTSP  
cấp xã

**XIN CẢM ƠN!**